

Xé Tai Treo Ngành vì Tội Nghe Kinh Nguyện Cầu

(Câu chuyện này được phỏng dịch theo một đoạn trong
Chương I cuốn “Deliver Us From Evil” của Thomas A Dooley)

Nhà khách của phi trường Hickham ở Hawii rộng mênh mông, vì bận tâm suy nghĩ đến việc trở về thăm nhà, nên khi bước đi trong nhà khách này, tôi đã không nghe thấy tiếng chào hỏi đầu tiên của một người nào đó. Song tiếng chào hỏi thứ hai đã đến tai tôi khá lớn và rất rõ ràng từ cuối phòng đợi, một người nào đó la lớn bằng tiếng Việt:

- Chào ông Bác Sĩ Mỹ!

Tôi quay lại phía sau và cảm thấy lúng túng trong đôi cánh tay rắn chắc của một chàng trai trẻ đang nắm ghi lấy hai cánh tay của tôi. Chàng trai này, một khóa sinh thuộc Không Lực Việt Nam Cộng Hòa được cử sang Mỹ để học về bảo trì phi cơ, đang ôm chặt lấy tôi và khóc sụt sùi làm ướt một phần chiếc áo khoác ngoài của tôi. Cậu này là một chàng trai thấp và bánh trai khoảng 16 tuổi, nói rất nhanh trong khi dồn ép hơi thở vào ngực tôi, nên tôi không hiểu được cậu ta muốn nói gì với tôi. Rồi ngay sau đó có chừng hơn hai chục chàng trai khác với nước da màu olive trong những bộ đồng phục bao quanh lấy tôi, người lắc tay tôi, kẻ đâm vào lưng tôi thành thịch như búa hơi đập xuống lề đường. Tất cả các chàng trẻ tuổi này đều mặc đồng phục không quân Việt Nam Cộng Hòa. Tất cả những chàng trai trong nhóm này đều nói oang oang khắp mọi chỗ:

- Ông còn nhớ tôi không, bác sĩ Mỹ?

Chàng trai trẻ đang ôm tôi cũng cất tiếng hỏi:

- Ông còn nhớ tôi không?
- Dĩ nhiên còn nhớ chứ!

Tôi đã nói dối. Ai có thể nhớ ra được ngay một người trong số hàng trăm ngàn người mà mình đã gặp được chứ? Song sau khi ngắm nhìn chàng trai một lúc, điều mà tôi nói dối đã tìm ra được sự thật từ một hình ảnh buồn bã và quen thuộc đã đến với tôi, đó là một chàng trai không có tai trái. Ở vị trí cái tai trái ngự trị, chỉ là một vết sẹo xấu xí. Chính tôi đã tạo ra vết sẹo này. Tôi đã cắt bỏ cái tai của cậu ta. Tôi có thể không nhớ rõ được chàng trai đặc biệt này, song tôi không thể nào quên được một số đồng các cô cậu gái trai đều bị cắt cụt một tai và cậu trai này là một trong số những người này. Sự việc bị cắt cụt một tai quả là một điều kinh hoàng.

- Cậu ở Bảo Lạc phải không?

Tôi vừa hỏi vừa gỡ vòng tay của cậu ta đang ôm tôi, rồi chỉ tay vào những chàng trai khác trong nhóm và hỏi thêm:

- Còn cậu này, cậu này, cậu này nữa đều ở Bảo Lạc cả đúng không?

Tất cả mọi người trong nhóm này cũng đều có một cái sẹo lớn nằm ngay ở vị trí đáng lý ra là chỗ của một cái tai. Ngay sau đó, tôi nhớ đến một vùng đất ở miền Bắc Việt Nam, có rất nhiều người theo đạo Thiên Chúa có tên là Bảo Lạc, nằm gần biên giới với Trung Quốc. Nơi đây Việt Minh Cộng Sản thường hay xé bỏ một phần tai của người dân rồi ra bằng những cây kim rồi để phần bị xé treo lòng thòng với phần tai còn lại. Đây là một cách trừng trị cho một tội phạm được gọi là đã lắng nghe nhưng lời xấu xa tởm tợ. Lời xấu xa tởm tợ ở đây chỉ là lời Kinh Cầu Nguyện Đức Chúa Trời:

*“Lạy cha của chúng con ở trên trời, nguyện danh cha cả sáng...
Xin cho chúng con hôm nay lương thực hàng ngày...
Cứu vớt chúng con thoát khỏi điều xấu xa tởm tợ...”*

Khi người dân cầu xin Chúa cho lương thực hàng ngày thay vì cầu xin nhà cầm quyền cộng sản, mà lại bị kết tội là phản nghịch, như thế có nghĩa là đã gián tiếp xác nhận rằng cái nước Cộng Hòa Nhân Dân mới này là một đất nước xấu xa tởm tợ mà con người đang sống trong đó cần được giải thoát. Những kẻ vô lại đã xé tai của người dân như thế cần thiết phải đi cải tạo.

Cậu trai này nói về việc trốn chạy của cậu ta từ miền Bắc Việt Nam vào tháng 11 năm 1954, khi cậu ta vào trại tỵ nạn của tôi, tại đây tôi đã cắt tận gốc cái tai treo lòng thòng của cậu ta, cắt xén phần da bên ngoài ống thính giác, kéo hai mép da sát lại nhau, rồi khâu lại. Phần da nơi vết khâu bị căng thẳng, và tôi biết trước là vết sẹo sẽ khá lớn và xấu nữa.. Song với thời gian và phương tiện y tế rất hạn chế, nên tôi không còn cách chọn lựa nào khác. Với cái tai bị cắt này, cậu ta có thể còn nghe được không? Không bao giờ có thể nghe lại được cả và chỉ có cái tai phía bên kia là con nghe được mà thôi.



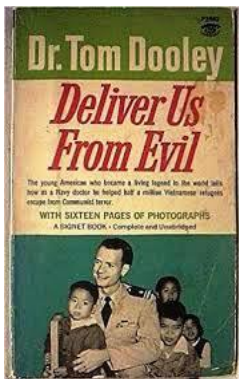
Tất cả những chàng trai trẻ ấy bây giờ đang đứng trong phòng khách của sân bay Hawaii, họ đã có một thời gian sống trong trại tỵ nạn của tôi ở Hải Phòng, và nhiều người trong bọn họ vẫn còn mang dấu ấn này. Sau thời gian tỵ nạn cư trong trại, tôi đã đưa họ tới một tàu vận tải của Pháp hay các con tàu nhỏ hơn để chuyển họ tới một chuyến vận hàng của Hoa Kỳ đưa họ vào Saigon. Ở nơi đó, các cậu trai này đã đạt tuổi mười sáu và đã đủ khôn lớn gia nhập vào Không Lực Việt Nam Cộng Hòa vừa mới được thành lập. Ở tuổi 16, họ là những chàng trai đã trưởng thành và chuẩn bị lấy lại nửa Bắc quê hương của họ từ tay bọn cộng sản. Trong một chương trình viện trợ quân sự của Hoa Kỳ, nhóm người này sẽ đi tới tiểu bang Texas để được huấn luyện thành những thợ máy sửa chữa và bảo trì máy bay và tại phi trường Hawaii, họ đã gặp lại ông bác sĩ Mỹ, người đã giúp đỡ họ khoảng một năm trước đây, tuy họ vẫn còn nhớ ông ta, song ông ta chỉ nhớ đến những vết sẹo của họ.

Trong khi đó có khá nhiều người, phần đông là người Mỹ tại nhà khách của phi trường, đã bị lôi cuốn bởi sự ồn ào và sự sum họp đầy nước mắt của chúng tôi, nên một vài người trong đám đông nay muốn biết rõ điều gì đã xảy ra. Dường như đây là một thời điểm khá tốt để trình bày cho đồng hương của tôi, nên tôi bèn làm một màn diễn giải. Tôi nói với họ về tình cảnh của những chàng trai trẻ này cùng sự dũng cảm của họ và tôi cũng nói cho họ biết tôi đã từ đâu đến và những gì tôi đã chứng kiến. Tôi đã làm thỏa mãn sự tò mò của họ với lý do tại sao gần như hầu hết những khóa sinh không quân Việt Nam này mỗi người lại chỉ có một tai mà thôi. Tôi đã không cảm được nước mắt khi nói về sự việc này và ngay sau đó rất nhiều người trong đám đông này đã nhìn chúng tôi chằm chằm vì đã hiểu chúng tôi và họ cũng bắt đầu nhận ra mắt họ cũng đang mờ đi như tôi vậy.

Người Phỏng Dịch: Huy Vũ

Chuyện Làng Cửa Lò

Huy Vũ



(Chuyện Làng Cửa Lò được phỏng dịch từ Chương XI
“The Story of Cua Lo Village” trong cuốn “Deliver Us From Evil” của Dr. Tom Dooley).

Hải Quân Pháp (sau ngày hiệp định Geneva 1954 được ký kết) vẫn có các hoạt động tìm kiếm những người Việt (trong vùng Cộng Sản) trốn chạy bằng ghe thuyền qua vùng biển tàu bè được phép đi lại tự do. Họ đã dùng tàu tuần và thủy phi cơ vào việc tìm kiếm những con thuyền trốn này. Nhìn những con thuyền này người ta có cảm nghĩ đó là những con thuyền đang đi tìm kiếm thiên đường. Vào những tháng trước đó, rất nhiều người tỵ nạn đã dùng đường sông từ nhiều nhánh khác nhau để trốn chạy vào Hải Phòng, song vì Việt Minh kiểm soát đường sông khá chặt chẽ, nên việc trốn chạy theo đường sông đã trở nên khó khăn. Do đó một số người can đảm trong vùng Cộng Sản đã dùng thuyền buồm để trốn chạy bằng đường biển, dù họ biết rằng những chiếc thuyền buồm này không thể đương đầu được với gió to sóng lớn nơi biển cả. Đại úy Gerald Cauvin của Hải Quân Pháp (HQP) là người phụ trách các hoạt động này và ông ta thường thông báo cho tôi biết về các hoạt động của ông. Điều này đã giúp ích cho trại tạm cư của chúng tôi rất nhiều trong việc điều hành, vì chúng tôi có thể biết trước được những gì sẽ đến với chúng tôi vào những ngày sắp tới.

Vào một buổi sáng sớm, Cauvin cho một người tới trại tạm cư của chúng tôi và dẫn tôi tới cầu tàu của Hải Quân Pháp. Tại đây Cauvin cho biết là ông vừa nhận được một báo cáo cho hay rằng, có mười bốn chiếc thuyền lớn ở ngoài khơi vịnh Hạ Long. Cauvin sẽ gửi một chiếc LSM đi đón nhận đoàn ghe này và dẫn chúng vào Hải Phòng. Sau khi biết ý định của Cauvin, tôi báo ngay cho trại tạm cư của tôi gấp rút chuẩn bị đón tiếp khoảng năm trăm người đau yếu nhập trại (thực ra là có tới hơn một ngàn người). Sau đó tôi và Cauvin lên chiếc LSM chạy theo dòng sông để ra Vịnh Hạ Long. Chúng tôi tới vịnh Hạ Long vào khoảng giữa trưa. Bầu trời lặng câm. Nơi đây chỉ có những mỏm núi đá trơ trọi màu xám. Nhìn những mỏm núi này, ta có cảm giác chúng là những tảng thạch nhũ đậu trên mặt nước và nhô đầu nhọn lên trời.

Nhìn ra xa, chúng tôi thấy một đoàn ghe, chiếc nọ sau chiếc kia đang hướng vào vịnh HẠ LONG. Đoàn ghe này chụm lại gần nhau, trong số này có một vài ghe cột dính liền lại với nhau. Khi tàu chúng tôi đang chạy hướng về đoàn ghe này, chúng tôi đã quan sát họ rất cận kề qua những chiếc ống nhòm. Mặt trời buổi trưa chiếu sáng lấp lánh trên mặt nước biển trong veo đã làm cho cảnh tượng này đẹp như sách chuyện trẻ em về một vùng đất thần tiên, song điều mà chúng tôi trông thấy thì khó có thể thể coi như là một cảnh tượng đẹp được... Hơn một ngàn người tỵ nạn được nhốt nhét vào mười bốn chiếc ghe, và thật khó có thể tin rằng những người này đã vượt qua một quãng đường dài hơn 200 dặm trên biển Đông mà gió to sóng lớn có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Họ đã trốn chạy bằng những chiếc ghe đánh cá nhỏ bé, có nguy cơ đối mặt với những tình huống hiểm nghèo, và họ đã hoàn tất được một việc gần như không thể thực hiện được. Dù họ đang sống trong những tia nắng ấm áp, song người họ ướt



đẫm và lạnh lẽo. Sóng gió nơi biển cả đã làm cho họ nôn mửa hết tất cả những gì có trong dạ dày của họ. Dù cách họ khá xa, chúng tôi vẫn có thể nhận thấy sự lạnh lẽo về đêm đã làm tê cứng và đau đớn xương và khớp xương trong người họ. Một số rất ít đi tới đi lui trong những chiếc ghe để giúp đỡ những người đau yếu, còn phần đông hầu như nằm bất động ngổn ngang trên sàn ghe. Việc nước biển làm họ ướt sũng suốt ngày đêm, đã làm cho da dẻ của họ khô lại, rồi nắng chang chang vào buổi trưa lại làm cho da dẻ của họ nứt nẻ. Chân họ bị ngâm nước liên tục, nên mắt cá sưng húp và phồng rộp. Chúng tôi đã cảm nhận được sự đau đớn của họ trước khi đến với họ.

Khi tàu LSM của chúng tôi đến gần, đủ để những người tỵ nạn có thể nhận ra được lá cờ Pháp treo ở phần cuối tàu và đó là điều làm cho những người tỵ nạn an tâm. Khi nhận ra chúng tôi là những người bạn mà không phải kẻ thù, họ kéo ngay một lá cờ đẫm nước lên đầu một cột buồm gãy, một lá cờ mà họ đã cất giấu trong nhiều năm. Lá cờ này là biểu tượng và là huy hiệu của họ. Trên đầu cây cột buồm cao nhất, họ treo hiệu

kỳ Giáo Hoàng, một lá cờ màu vàng cam và vàng đậm có in hình chiếc mũ niệm ba tầng của Giáo Hoàng và những chiếc chìa khóa của thánh Peter.

Khi chúng tôi chạy sát bên cạnh những chiếc ghe này và tỏ ý muốn đón họ sang tàu của chúng tôi. Phần lớn họ đã chuyển ngay sang tàu của chúng tôi. Chỉ có một số ít những chàng trai còn khỏe mạnh ở lại trong một vài chiếc ghe và được cột chặt vào chiếc LSM, và chúng tôi chạy về hướng Hải Phòng. Chúng tôi phân phát cho những người tỵ nạn trên tàu nước ngọt, nước trà, và bánh mì. Mặc dù số lượng phân phát cho họ không được đầy đủ như sự mong muốn, song cũng giúp cho họ tạm quên phần nào cơn đói khát. Thủy thủ đoàn của chiếc LSM này chỉ có hơn hai mươi người thôi, nên họ đâu có dự trữ nhiều thực phẩm trên tàu. Ngay lúc đó, tôi ước ao là tôi đã mang theo hàng trăm túi cơm thì hay biết mấy.

Tôi và Cauvin đã tìm gặp một số vị lớn tuổi và là những người lãnh đạo đoàn tàu. Chúng tôi mời họ vào buồng lái và hỏi những câu hỏi đại để như: Quý vị đã ra đi từ làng nào? Đời sống trong làng của quý vị ra sao? Tại sao quý vị phải bỏ làng ra đi? Quý vị là ai? Họ đã nói chuyện với chúng tôi bằng giọng nói buồn bã và mệt mỏi như là họ đã nói đi nói lại chuyện này cả ngàn lần rồi. Họ nói với chúng tôi bằng tiếng Pháp trôi chảy, nhỏ nhẹ và đều đều về cuộc sống của họ. Chúng tôi đã lắng nghe họ nói tới ba tiếng đồng hồ. Câu chuyện mà họ kể cũng chẳng có gì là đặc biệt cả, cũng chỉ là những câu chuyện tương tự mà chúng tôi đã nghe từ những người tỵ nạn khác mà thôi. Song có một điều đặc biệt của cuộc trốn chạy này khiến nó không giống như các cuộc trốn chạy khác, là từ việc lên kế hoạch tới việc thực thi, hoàn toàn không có sự hỗ trợ từ bên ngoài và họ được trang bị với hai lợi khí cổ điển là lòng tin và hy vọng.

Mặc dù vào lúc ngồi viết những dòng chữ này, tôi đã ở xa nơi sự thể đã xảy ra hàng ngàn dặm và cách biệt hàng ngàn giờ, song tôi vẫn có thể nhớ rõ ràng gần như từng lời nói một. Người đàn ông cao tuổi, với bộ mặt đầy nếp nhăn và phờ phạc ngồi đối diện với chúng tôi, nhấp một ngụm nước trà đặc, nói một cách nhỏ nhẹ và không lưỡng lự:

“Cửa lò là làng của chúng tôi. Cách nơi đây khoảng 300 km (200 miles) về phía Nam theo đường duyên hải. Đó là một ngôi làng mà người dân sống rất hạnh phúc trong nhiều năm trước đây. Làng tôi nằm trên một thế đất bằng phẳng và cánh đồng làng tôi được chia thành những thửa ruộng nhỏ, và thường ánh lên màu xanh tươi từ những thửa ruộng lúa mùa. Vào mùa mưa, có nhiều đám mây dầm hơi nước bay ngang qua bầu trời làng tôi. Vào mùa khô, mặt trời phát ra những tia nắng chói chang và bầu trời làng tôi trong xanh. Người ta có thể thấy dân làng tôi cặm cụi làm việc trên cánh đồng suốt ngày, người thì tát nước vào ruộng, kẻ thì cầm cây theo sau những con trâu lội bì bõm trên những thửa ruộng đất bùn màu nâu. Một số dân làng tôi làm nghề đánh cá. Những chiếc ghe mảnh này là của họ. Chúng khá chắc chắn, và mỗi ghe có hai cột buồm và hai tấm buồm màu mù tạc. Cột buồm và buồm chỉ được làm sơ sài, vì không có mục đích dùng để ra xa bờ biển.

“Kẻ thù của chúng tôi đã trở thành người cai trị chúng tôi vào năm 1951. Họ áp đặt lên dân làng tôi luật lệ mới, một bộ sử mới, một nếp sống mới, nếp sống theo chủ nghĩa cộng sản. Họ nói với chúng tôi là họ là Việt Minh Quốc Gia. Sự yên bình mà họ mang đến cho chúng tôi là cái yên bình bất ổn và tối tăm. Mọi người đều hoang mang, ngay cả cho những người đã từng là các viên chức chính quyền trước đây và được coi là những người hiểu biết.

“Ngày nay ở làng tôi bất cứ điều gì liên quan đến người Pháp đều bị coi là xấu xa tồi bại. Dưới mắt những nhà sử học mới, những gì mà người da trắng đã làm đều độc ác, và xuất phát từ quyền lợi riêng tư và bản thiêu. Sự thật là người Pháp đã mang đến cho Việt Nam chúng tôi một nền y khoa hiện đại và đã thực hiện nhiều chiến dịch chống các bệnh truyền nhiễm. Song Việt Minh bảo chúng tôi rằng, đó chỉ là những việc làm để cho người Pháp có được những tên đầy tớ khỏe mạnh và những tên nô lệ cường tráng.

“Cuộc sống mới của chúng tôi thật ra là một xã hội không tưởng. Chẳng cần phải chờ đợi một thời gian dài, chúng tôi mới thấy được rằng việc thực hiện lý tưởng cao cả này, buộc thế hệ hiện tại phải hy sinh không thương tiếc cho hạnh phúc của những thế hệ tương lai. Chính sách cải cách ruộng đất mới của họ chỉ làm phát sinh ra nạn đói kém, và sự đói kém này đã bám chặt vào cái dạ dày của dân chúng. Chủ nghĩa duy vật của họ trở thành con quỷ ăn thịt người và nó đã hút khô cạn đồng ruộng của chúng tôi. Điều mà bọn Việt Minh mong đợi lúc ban đầu là làm cho phù hợp công lý. Rồi thì điều đó đã tỏ ra rằng chính bản thân nó chỉ là dối trá. Cái xã hội mới đó đã xúi giục những người thân trong một gia đình tố giác, đã kích và ngờ vực lẫn nhau. Dân làng tôi đã phải hy sinh một cách không thương tiếc cho

cái ý tưởng gọi là lợi ích kinh tế. Trước đây không bao giờ có sự độc ác trong một trình tự có tổ chức như vậy.

“Tất cả chúng tôi đều có một ý nghĩ là phải trốn chạy và vì thế chúng tôi đã chuẩn bị trong nhiều tuần lễ. Mỗi ngày chúng tôi cất giấu một nắm cơm. Chúng tôi không có thể tổ chức một buổi họp về việc này. Không có một điều gì có thể làm một cách minh bạch. Tất cả mọi việc đều phải làm lén lút, kể từ khi làng tôi được điều hành bởi một viên chức dưới thời bảo hộ, ông ta là bạn cũ của chúng tôi, nhưng bây giờ là bí thư xã của Việt Minh và ông ta đã làm nhiều việc thô bạo và thiên lệch, vì lòng tin mới. Ông đã cài người của ông ta nghe ngóng và rình rập khắp mọi nơi, từ nhà chợ đến từng gia đình.

“Chúng tôi lập kế hoạch, nhưng không thể tổ chức một buổi họp, vì theo luật mới, người dân không có quyền tụ tập tại bất kỳ địa điểm nào và thời điểm nào nhiều hơn bốn người. Khi muốn thông báo cho nhau, nếu là nông dân đang làm việc ngoài đồng, chúng tôi phải cúi gập người xuống thấp hơn ngọn lúa, nếu là dân đánh cá phải đợi đến lúc dỡ cá, còn đàn bà con gái phải đợi đến lúc đi chợ. “Cuối cùng thì kế hoạch và những lời cầu nguyện đã đạt đến cực điểm, đêm ra đi đã tới. Đêm đó là một đêm không trăng sao. Bầu trời tối đen và biển lặng sóng. Từ mười một giờ tối đến một giờ sáng, chúng tôi lén lút trốn xuống ghe từng người một hay hai người một. Trong khi ở một cạnh khác của làng tôi, một chàng trai tên là Mai Văn Thịnh ca hát và la lối om xòm với mục đích tạo ra một sự náo động hầu lôi cuốn công an, dân quân tự vệ và viên bí thư kéo tới để xem chuyện gì đang xảy ra. Trong thời gian đó chúng tôi cùng nhau chuồn xuống ghe.

“Mỗi chiếc ghe của chúng tôi được đóng cho khoảng 25 người sử dụng. Song đêm đó mỗi ghe chứa chất tới hơn một trăm người. Lặng lẽ như đêm tối, chúng tôi rời cửa biển và chạy thẳng ra biển Đông. Vâng, cuộc trốn chạy của dân làng tôi đã thành công. Tuy nhiên chúng tôi không thể vui mừng được, vì nghĩ tới Mai Văn Thịnh. Sớm hay muộn gì thì cái phần trợ giúp của cậu ta cho cuộc trốn chạy của chúng tôi cũng sẽ bị phát giác. Và khi đó số phận của cậu ta sẽ ra sao? Bố mẹ của Mai đã chết trong chiến tranh vào năm 1953. Người anh duy nhất của cậu ta tên Châm đã bị Việt Minh thiêu sống, vì Châm là người đứng đầu phong trào Cơ Đốc Giáo. Vào buổi chiều ngày 16-01-1953, Châm bị trói vào một thân cây, và bị đánh đập tàn bạo bằng gậy tre. Sau đó thân thể đầy máu me của cậu ta được tước xương, rồi chôn lửa. Cậu ta bị đốt sống như cây đuốc cho đến chết.”

“Vì nóng lòng muốn tới được hải phận quốc tế càng nhanh càng tốt, chúng tôi đã sử dụng cả chèo lẫn buồm với mức tối đa mà chúng tôi có thể, để đoàn ghe vượt qua được khoảng cách giới hạn là ba dặm. Khi trời sáng rõ, chúng tôi không còn nhìn thấy đất liền nữa và chúng tôi cảm thấy tương đối an toàn. Điều đó có nghĩa là chúng tôi đã thoát khỏi vùng nguy hiểm và bây giờ chúng tôi bắt đầu phải tranh đấu với biển cả. Chúng tôi muốn chạy về hướng Bắc, song chúng tôi không có địa bàn và cũng không có kiến thức về hàng hải. Tuy nhiên chúng tôi biết phải giữ mặt trời buổi sáng nằm ở phía tay mặt và nhắm về hướng Hải Phòng. Ở đó chúng tôi biết có người Pháp và người Mỹ sẽ giúp chúng tôi. Họ sẽ đưa thẳng chúng tôi vào Saigon.

“Chuyến đi của chúng tôi kéo dài năm ngày và năm đêm. Chúng tôi không thể nhóm lửa để nấu ăn vì củi mà chúng tôi mang theo đều bị ướt nhẹp. Chúng tôi buộc phải ăn cơm ướt sũng nước. Trà của chúng tôi mang theo cũng ướt đẫm nước biển, uống vào có thể gây bệnh hoạn thêm thôi. Nước ngọt chúng tôi có rất ít hoặc không có. Trên sàn những chiếc ghe bé nhỏ của chúng tôi luôn luôn đẫm nước vì sóng biển tạt vào. Chúng tôi rất khổ cực. Sáng sớm hôm nay, chúng tôi đã nhận ra được rằng chúng tôi đã tới một nơi xa lạ và biết là chúng tôi đã đến được Vịnh Hạ Long. Chúng tôi tin như thế khi nhìn thấy chiếc thủy phi cơ của các ông. Và bây giờ chúng tôi được tự do.”

Các vị cao niên này đã kể với chúng tôi nghe câu chuyện của họ một cách hoàn toàn thanh thản, với lòng tôn kính, chúng tôi đã lắng nghe chuyện kể về lòng can đảm và hy vọng cao thượng của họ. Vào lúc ấy, một bài hát đã cất lên trên sàn tàu LSM, đó là một bản thánh ca nhẹ nhàng do những người tỵ nạn hát. Tất cả chúng tôi bước ra sàn tàu để lắng nghe bài đồng ca. Tôi không thể nhận biết được lời ca bằng tiếng Việt của bài thánh ca này. Các vị cao niên cũng làm bầm hát theo và dịch ra tiếng Pháp cho chúng tôi nghe.

Những người ty nạn này đang bày tỏ lòng biết ơn của họ đối với Chúa Trời, vì đã giúp họ vượt qua được cơn khủng hoảng trong đời. Họ hát:

“Lạy Chúa! Chúng con yêu mến căn nhà đẹp đẽ của Chúa, cũng như nơi vinh quang Chúa cư ngụ. Cảm ơn Chúa đã ban cho chúng con những ngày sống yên vui bên Chúa.”

Người Phỏng Dịch: Huy Vũ